

| Số TT | Đơn vị hoặc cá nhân | Trực thuộc đảng bộ | Đã có thành tích | Số Quyết định, ngày, tháng, năm |
|-------|---------------------|--------------------|------------------|---------------------------------|
| 1     | 2                   | 3                  | 4                | 5                               |
|       |                     |                    |                  |                                 |
|       |                     |                    |                  |                                 |
|       |                     |                    |                  |                                 |
|       |                     |                    |                  |                                 |
|       |                     |                    |                  |                                 |

| Cấp ra quyết định |            |                     | Hình thức KT |    |    | Đối tượng khen |        |           |
|-------------------|------------|---------------------|--------------|----|----|----------------|--------|-----------|
| Trung ương        | Tỉnh thành | Xã, phường, đặc khu | Cờ           | BK | GK | TCCS Đảng      | Chi bộ | Đảng viên |
| 6                 | 7          | 8                   | 9            | 10 | 11 | 12             | 13     | 14        |
|                   |            |                     |              |    |    |                |        |           |
|                   |            |                     |              |    |    |                |        |           |
|                   |            |                     |              |    |    |                |        |           |
|                   |            |                     |              |    |    |                |        |           |
|                   |            |                     |              |    |    |                |        |           |